

Biểu mẫu 06
(*Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017*
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND XÃ HÙNG CHÂU
TRƯỜNG TH DIỄN LÂM I

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2024-2025

Đơn vị: học sinh

1. Chất lượng giáo dục

	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
<i>1. Kết quả học tập</i>											
<i>1. Tiếng Việt</i>	1.197	235		214		259		273		216	
Hoàn thành tốt	855	173	73,6	158	73,8	181	69,9	184	67,4	159	73,6
Hoàn thành	335	55	23,4	56	26,2	78	30,1	89	32,6	57	26,4
Chưa hoàn thành	7	7	3,0		0,0		0,0		0,0		0,0
<i>2. Toán</i>	1.197	235		214		259		273		216	
Hoàn thành tốt	856	177	75,3	154	72,0	185	71,4	186	68,1	154	71,3
Hoàn thành	333	52	22,1	60	28,0	74	28,6	85	31,1	62	28,7
Chưa hoàn thành	8	6	2,6		0,0		0,0	2	0,7		0,0
<i>3. Đạo đức</i>	1.197	235		214		259		273		216	
Hoàn thành tốt	894	179	76,2	164	76,6	193	74,5	192	70,3	166	76,9
Hoàn thành	301	54	23,0	50	23,4	66	25,5	81	29,7	50	23,1
Chưa hoàn thành	2	2	0,9		0,0		0,0		0,0		0,0
<i>4. Tự nhiên và Xã hội</i>	708	235		214		259					
Hoàn thành tốt	525	174	74,0	161	75,2	190	73,4				
Hoàn thành	181	59	25,1	53	24,8	69	26,6				
Chưa hoàn thành	2	2	0,9		0,0		0,0				

5. Khoa học	489							273		216	
Hoàn thành tốt	378							207	75,8	171	79,2
Hoàn thành	110							65	23,8	45	20,8
Chưa hoàn thành	1							1	0,4		0,0
6. LS&ĐL	489							273		216	
Hoàn thành tốt	340							188	68,9	152	70,4
Hoàn thành	148							84	30,8	64	29,6
Chưa hoàn thành	1							1	0,4		0,0
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	1.197	235		214		259		273		216	
Hoàn thành tốt	872	175	74,5	159	74,3	189	73,0	193	70,7	156	72,2
Hoàn thành	323	58	24,7	55	25,7	70	27,0	80	29,3	60	27,8
Chưa hoàn thành	2	2	0,9		0,0		0,0		0,0		0,0
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	1.197	235		214		259		273		216	
Hoàn thành tốt	874	175	74,5	157	73,4	193	74,5	189	69,2	160	74,1
Hoàn thành	322	59	25,1	57	26,6	66	25,5	84	30,8	56	25,9
Chưa hoàn thành	1	1	0,4		0,0		0,0		0,0		0,0
9. Hoạt động trải nghiệm	1.197	235		214		259		273		216	
Hoàn thành tốt	884	175	74,5	167	78,0	187	72,2	193	70,7	162	75,0
Hoàn thành	311	58	24,7	47	22,0	72	27,8	80	29,3	54	25,0
Chưa hoàn thành	2	2	0,9		0,0		0,0		0,0		0,0
10. Giáo dục thể chất	1.197	235		214		259		273		216	
Hoàn thành tốt	911	178	75,7	177	82,7	192	74,1	199	72,9	165	76,4
Hoàn thành	284	55	23,4	37	17,3	67	25,9	74	27,1	51	23,6
Chưa hoàn thành	2	2	0,9		0,0		0,0		0,0		0,0
11. TH-CN (Công nghệ)	748					259		273		216	
Hoàn thành tốt	557					194	74,9	197	72,2	166	76,9
Hoàn thành	557					194	74,9	197	72,2	166	76,9
Chưa hoàn thành							0,0		0,0		0,0
12. TH-CN (Tin học)	748					259		273		216	
Hoàn thành tốt	500					179	69,1	174	63,7	147	68,1
Hoàn thành	248					80	30,9	99	36,3	69	31,9

Chưa hoàn thành							0,0		0,0		0,0
13. Ngoại ngữ	748					259		273		216	
Hoàn thành tốt	498					188	72,6	170	62,3	140	64,8
Hoàn thành	248					71	27,4	101	37,0	76	35,2
Chưa hoàn thành	2						0,0	2	0,7		0,0
II. Năng lực cốt lõi											
Năng lực chung											
Tự chủ và tự học	1.197	235		214		259		273		216	
Tốt	890	178	75,7	166	77,6	189	73,0	200	73,3	157	72,7
Đạt	305	55	23,4	48	22,4	70	27,0	73	26,7	59	27,3
Cần cố gắng	2	2	0,9		0,0		0,0		0,0		0,0
Giao tiếp và hợp tác	1.197	235		214		259		273		216	
Tốt	936	180	76,6	172	80,4	188	72,6	209	76,6	187	86,6
Đạt	259	53	22,6	42	19,6	71	27,4	64	23,4	29	13,4
Cần cố gắng	2	2	0,9		0,0		0,0		0,0		0,0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	1.197	235		214		259		273		216	
Tốt	882	179	76,2	163	76,2	187	72,2	196	71,8	157	72,7
Đạt	313	54	23,0	51	23,8	72	27,8	77	28,2	59	27,3
Cần cố gắng	2	2	0,9		0,0		0,0		0,0		0,0
Năng lực đặc thù											
Ngôn ngữ	1.197	235		214		259		273		216	
Tốt	906	181	77,0	173	80,8	188	72,6	193	70,7	171	79,2
Đạt	289	52	22,1	41	19,2	71	27,4	80	29,3	45	20,8
Cần cố gắng	2	2	0,9		0,0		0,0		0,0		0,0
Tính toán	1.197	235		214		259		273		216	
Tốt	885	178	75,7	172	80,4	187	72,2	188	68,9	160	74,1
Đạt	309	55	23,4	42	19,6	72	27,8	84	30,8	56	25,9
Cần cố gắng	3	2	0,9		0,0		0,0	1	0,4		0,0
Tin học	748					259		273		216	
Tốt	538					187		189		162	

Đạt	210					72		84		54	
Cần cố gắng											
Công nghệ	748					259		273		216	
Tốt	577					193		203		181	
Đạt	171					66		70		35	
Cần cố gắng											
Khoa học	489							273		216	
Tốt	392							204		188	
Đạt	97							69		28	
Cần cố gắng											
Thảm mĩ	1.197	235		214		259		273		216	
Tốt	921	183	77,9	171	79,9	192	74,1	199	72,9	176	81,5
Đạt	274	50	21,3	43	20,1	67	25,9	74	27,1	40	18,5
Cần cố gắng	2	2	0,9		0,0		0,0		0,0		0,0
Thể chất	1.197	235		214		259		273		216	
Tốt	958	185	78,7	177	82,7	193	74,5	209	76,6	194	89,8
Đạt	238	49	20,9	37	17,3	66	25,5	64	23,4	22	10,2
Cần cố gắng	1	1	0,4		0,0		0,0		0,0		0,0
III. Phẩm chất chủ yếu											
Yêu nước	1.197	235		214		259		273		216	
Tốt	956	186	79,1	183	85,5	191	73,7	211	77,3	185	85,6
Đạt	241	49	20,9	31	14,5	68	26,3	62	22,7	31	14,4
Cần cố gắng			0,0		0,0		0,0		0,0		0,0
Nhân ái	1.197	235		214		259		273		216	
Tốt	950	185	78,7	182	85,0	192	74,1	212	77,7	179	82,9
Đạt	247	50	21,3	32	15,0	67	25,9	61	22,3	37	17,1
Cần cố gắng			0,0		0,0		0,0		0,0		0,0
Chăm chỉ	1.197	235		214		259		273		216	
Tốt	912	180	76,6	168	78,5	193	74,5	203	74,4	168	77,8
Đạt	285	55	23,4	46	21,5	66	25,5	70	25,6	48	22,2
Cần cố gắng			0,0		0,0		0,0		0,0		0,0

Trung thực	1.197	235		214		259		273		216	
Tốt	962	189	80,4	184	86,0	194	74,9	211	77,3	184	85,2
Đạt	235	46	19,6	30	14,0	65	25,1	62	22,7	32	14,8
Cần cố gắng			0,0		0,0		0,0		0,0		0,0
Trách nhiệm	1.197	235		214		259		273		216	
Tốt	926	182	77,4	173	80,8	193	74,5	205	75,1	173	80,1
Đạt	271	53	22,6	41	19,2	66	25,5	68	24,9	43	19,9
Cần cố gắng			0,0		0,0		0,0		0,0		0,0
IV. Đánh giá KQGD	1.197	235		214		259		273		216	
- Hoàn thành xuất	408	106	45,1	93	43,5	79	30,5	59	21,6	71	32,9
- Hoàn thành tốt	327	59	25,1	56	26,2	77	29,7	77	28,2	58	26,9
- Hoàn thành	454	64	27,2	65	30,4	103	39,8	135	49,5	87	40,3
- Chưa hoàn thành	8	6	2,6		0,0		0,0	2	0,7		0,0
V. Khen thưởng	735	165	70,2	149	69,6	156	60,2	136	49,8	129	59,7
- Giấy khen cấp trường	735	165	70,2	149	69,6	156	60,2	136	49,8	129	59,7
- Giấy khen cấp trên											
VI. Chương trình lớp học	1.203	237		214		260		274		218	
Hoàn thành	1.195	231	97,4	214	100,0	260	100,0	272	99,3	218	100,0
Chưa hoàn thành	8	6	2,6		0,0		0,0	2	0,7		0,0

Hùng Châu, ngày 05 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Trung

